

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2019/HS-ST
Ngày 27-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Triệu Khánh Long - Cán bộ hưu trí Phường 1, thị xã Vĩnh Châu

- Ông Lâm Minh Phụng – Nguyên Cán bộ Thị đoàn thị xã Vĩnh Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Minh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Trần Kiều Mỹ, ông Trần Thanh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Lý Sà R**, sinh năm: 1982 tại V, Sóc Trăng; Nơi cư trú: khóm VA, Phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá (học vấn) 7/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý L1 (s) và bà Huỳnh Thị N1 (s); Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 28/02/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Đến ngày 28/02/2013 chấp hành xong hình phạt tù và các khoản phải thi hành khác. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 5 năm 2019; (có mặt)

2. **Huỳnh Đ**, sinh năm: 1994 tại V, Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp LH, xã

LH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: nuôi tôm; Trình độ văn hoá (học vấn) 6/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Th1 (s) và bà Kim Thị Sà Kh1 (s); Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 13/01/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt là 02 năm 06 tháng tù. Đến ngày 27/11/2017 chấp hành xong hình phạt tù, nên chưa được xóa án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 5 năm 2019; (có mặt)

3. **Quách Tuấn L** (có tên gọi khác là **L2**), sinh ngày: xx/xx/1977 tại V, Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp LH, xã LH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: nuôi tôm; Trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quách Hưng H1 (s) và bà Huỳnh Thị Mỹ L3 (s); Có vợ và 01 người con; Tiền sự, tiền án: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 5 năm 2019; (có mặt)

4. **Sơn L4**, sinh ngày: 20/11/1985 tại V1, Bạc Liêu; Nơi cư trú: ấp NM, xã HH, huyện V1, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ văn hoá (học vấn) 11/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sơn Nh1 (s) và bà Trần Thị T1 (s); Có vợ và 01 người con; Tiền sự: Tháng 7/2018, bị Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ, cất giấu trong người đồ vật, phương tiện giao thông, các loại dao, búa, các loại công cụ, phương tiện khác dùng trong lao động, sinh hoạt hàng ngày nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác, đến nay chưa xóa; tiền án: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22 tháng 5 năm 2019; (có mặt)

5. **Trần Tuấn A** (có tên gọi khác là **LĐT**), sinh năm: 1976 tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: ấp CĐ, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ph (s) và bà Lê Thị Kim A1 (s); Có vợ và 01 người con; Tiền sự, tiền án: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10 tháng 7 năm 2019; (có mặt)

6. **Phạm Tuấn L5** (có tên gọi khác là **K**), sinh năm: 1996 tại V, Sóc Trăng; Nơi cư trú: khóm Cà Săng, Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn) 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Út (s) và bà Trần Thị Kim H1 (s); Tiền sự: không; Tiền án: Tháng 12/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02

năm tù về tội “Cướp tài sản”. Đến ngày 09/02/2015 chấp hành xong hình phạt tù; Tháng 6/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đến ngày 24/5/2018 chấp hành xong hình phạt tù, nên đến nay chưa được xóa án tích. Bị can đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng, nên không áp dụng biện pháp ngăn chặn; (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Lâm Sà R1** (có tên gọi khác là **SL**), sinh năm: 1951; Nơi cư trú: Số 01, khóm 7, phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

2. **Lâm Sà N** (có tên gọi khác là **SV**), sinh năm: 2005; Nơi cư trú: ấp Xẻo Cóc, xã LH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- Người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sà N: Ông **Triệu Trí Nh**, sinh năm 1996 – Cán bộ thị đoàn thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

3. **Phanh Võ Phi Ng**, sinh năm: 2000; Nơi cư trú: ấp LH A, xã LH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

4. **Trần Q**, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: ấp PC, xã LH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

5. **Phạm Hữu Ngh1**, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; (vắng mặt)

6. **Trần Quốc T2**, sinh năm: 1965; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. **Lê Minh Th**, sinh năm: 2000; Nơi cư trú: thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

2. **Lâm Sà R2**, sinh năm: 1961; Nơi cư trú: khóm VA, phường 2, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

3. **Tăng N3**, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: ấp XC, xã LH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

4. **Lý M**, sinh năm: 1960; Nơi cư trú: khóm SC, phường 2, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

- Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông **Sơn C**, nguyên cán bộ Đài truyền thanh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Sà R1 (SL), sinh năm 1951, ngụ Khóm 7, Phường 1, thị xã V, trước đây là Chủ tịch UBND xã V (nay là Phường 2, thị xã V). Trong thời gian ông R1 công tác tại xã V (giai đoạn năm 1999 – 2001), thì ông Lâm S lúc đó là Bí thư xã V có tặng cho ông R1 01 khẩu súng K59 màu đen, kèm băng đạn có 04 viên. Ông R1 xin người khác thêm một số viên đạn rồi cất giữ khẩu súng và số đạn này trong nhà của mình tại số 25, khóm VA, Phường 2, thị xã V.

Vào ngày 17/11/2018, Lâm Sà N (SV), sinh ngày 04/9/2005, ngụ ấp XC, xã LH, thị xã V đột nhập vào nhà ông R1 lấy trộm khẩu súng K59 màu đen và 13 viên đạn cỡ 5,56 x 44,5 dùng cho súng AR15, M16 đem về nhà bạn của N là Lý Sà R, sinh năm 1982, ngụ tại khóm VA, Phường 2, thị xã V. Tại đây N mới lấy khẩu súng K59, tháo băng đạn ra xem thì thấy có 07 viên 9 x 18 mm, N lấy một viên, rồi lắp băng đạn vào lại súng. N tháo lấy thuốc bên trong viên đạn vừa lấy ra, rồi đem đốt cháy tại phía sau nhà của R. Sau đó, N giấu khẩu súng K59 và 13 viên đạn cỡ 5,56 x 44,5 mm dưới chiếu trên giường ngủ trong phòng sau nhà R. Đến 09 giờ sáng ngày 18/11/2018, N tiếp tục lấy ra 07 viên đạn cỡ 5,56 x 44,5 mm, rồi tháo đầu đạn lấy thuốc đốt. Lúc đó, R đi ra xem thì phát hiện sự việc. Lúc này, N lấy khẩu súng K59 và 06 viên đạn cỡ 5,56 x 44,5 mm đưa cho R xem. Đồng thời N nói với R là lấy trộm được ở xã LH, nhờ R bán giúp, nếu bán được sẽ cho tiền R, thì R đồng ý. R mới nhận và cất giấu Khẩu súng K59 và đạn tại giường ngủ trong phòng của R. Còn một số đầu đạn và vỏ đạn mà N đã tháo ra lấy thuốc đốt, thì N đem đi ném bỏ ở sông gần khu vực phía sau nhà R.

Đến ngày 18/11/2018, R gọi điện thoại cho bạn của R là Phạm Tuấn L5 (K), sinh năm 1996, ngụ khóm CS, Phường 2, thị xã V, nói là có một khẩu súng muốn bán cho L5, kêu L5 đến nhà R xem súng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, L5 cùng với vợ là Lê Minh Th đến nhà của R xem súng. Khi đến nhà R, thì Thư ngồi ở võng sau nhà, còn R thì dẫn L5 vào phòng ngủ của R. Tại đây, R lấy Khẩu súng K59 và tháo băng đạn ra đưa cho L5 xem. Đồng thời, R nói với L5 đây là súng thật do Sà N lấy trộm được, R bán khẩu súng này cho L5 với giá 2.000.000 đồng. Lúc này, L5 biết rõ R có khẩu súng thật muốn bán, nếu L5 mua sẽ vi phạm pháp luật, nên L5 không dám mua, rồi L5 cùng với Thư đi về nhà. Còn R thì đem Khẩu súng K59 vào phòng ngủ của R cất giấu tiếp.

Đến 19 giờ ngày 20/11/2018, N đột nhập vào phòng ngủ của R lấy lại Khẩu súng K59. Sau đó, N đem khẩu súng K59 đi đến nhà bạn của N là

Huỳnh Đ, sinh năm 1994, ngụ ấp LH, xã LH, thị xã V chơi và ngủ ở đây. Đến khoảng 15 giờ ngày 22/11/2018, N đưa Khẩu súng K59 cho Đ, nhờ Đ bán dùm, nếu bán được N sẽ cho Đ tiền, thì Đ đồng ý. Đ mới nhận và cất giấu Khẩu súng K59 tại nhà Đ. Một lúc sau, Đ liên hệ với bạn của Đ là Quách Tuấn L (L2), sinh năm 1977, ngụ ấp LH, xã LH, thị xã V, nhờ L tìm người bán dùm khẩu súng, để Đ lấy tiền lo cho vợ của Đ sắp sinh con, thì L đồng ý. L điện thoại cho bạn của L là Sơn L4, sinh năm 1985, ngụ ấp XC, xã LH, thị xã V nhờ L4 tìm người bán khẩu súng cho Đ. L4 mới kêu L chụp hình khẩu súng để gửi qua mạng Facebook cho L4 xem trước. Nghe L4 nói vậy, L mới điện thoại cho Đ đem súng qua nhà L, rồi L chụp hình Khẩu súng K59 và băng đạn gửi qua cho L4 xem. Khi L chụp hình súng xong, Đ đem súng về nhà cất giấu dưới gối trên giường ngủ của vợ chồng Đ. Đến khoảng 21 giờ ngày 22/11/2018, L4 đến nhà L xem và lấy khẩu súng, L mới điện thoại kêu Đ đem súng qua nhà mình, Đ mới lấy Khẩu súng K59 giấu vào người, rồi đem đến nhà L tại ấp LH, xã LH, thị xã V, giao súng cho L và L4. Tại đây, L4 cầm súng tháo băng đạn ra xem và xác định trong băng đạn có 06 viên, L4 nhận lời đem Khẩu súng K59 này đi bán giúp L và hỏi L định bán súng với giá bao nhiêu. L trả lời cứ đem đi bán được giá bao nhiêu, thì cho L biết. L4 đồng ý và nói với L là chỉ giúp L bán súng, còn chuyện của L với Đ như thế nào L4 không biết, L4 sẽ tìm người mua súng, thì L đồng ý. Lúc này, L4 lấy Khẩu súng K59 có 06 viên đạn bên trong cất giấu trên người rồi đi về nhà cha vợ của L4, tại ấp XC, xã LH, thị xã V ngủ và cất giấu khẩu súng K59 tại đây. Hai ngày sau, L4 tiếp tục đem Khẩu súng K59 đến cất tại chòi canh giữ ruộng tôm của Trần Qu (H) thuộc ấp BĐ, xã VTĐ, thành phố B. Sau đó vài ngày, L4 đến chòi của Trần Qu lấy lại Khẩu súng K59 đã cất giấu.

Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 04/12/2018, L4 đem Khẩu súng K59 đến phòng trọ bạn của L4 là Trần Tuấn A, sinh năm 1977, đang ngụ tại nhà trọ TV, số 198A đường VVK, Khóm 5, Phường 1, thành phố B. Tại đây, L4 đưa Khẩu súng K59 cho Tuấn A cất giấu giúp. Khi giao súng cho Tuấn A thì L4 không nói cho Tuấn A biết súng này do L đưa cho L4 nhờ bán giúp, nên Tuấn A không biết về nguồn gốc khẩu súng này. Do sợ L4 giữ khẩu súng sẽ gặp chuyện phiền phức và bị công an bắt, nên Tuấn A nhận và cất giấu Khẩu súng K59 cho L4 trong chiếc tủ lạnh đã hỏng gần phòng trọ Tuấn A đang ở tại nhà trọ TV.

Vào ngày 03/12/2018, ông R1 về thăm nhà, thì phát hiện bị mất Khẩu súng K59 và một số viên đạn để trong tủ giường ngủ. Đến ngày 04/12/2018, ông R1 đến Công an trình báo sự việc.

Qua kiểm tra, xác minh thu thập chứng cứ, Công an thị xã V mời các đối tượng Lâm Sà N, Lý Sà R, Huỳnh Đ, Quách Tuấn L và Sơn L4 có liên quan lên làm việc. Qua làm việc, Sơn L4 khai nhận Khẩu súng K59 hiện Trần Tuấn A là bạn của L4 đang cất giấu. Đến ngày 05/12/2018, Tuấn A đem

Khẩu súng K59 bên trong có băng đạn gồm 06 viên đã nhận của Sơn L4 giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Còn Lý Sà R thì giao nộp 06 viên đạn cỡ 5,56 x 44,5 mm mà Lâm Sà N đã đưa cùng lúc với lúc đưa Khẩu súng K59 cho R; 02 vỏ đạn thuộc loại đạn cỡ 5,56 x 44,5 mm, 01 đầu đạn bị biến dạng dài 1,9 cm, đường kính 0,6 cm thuộc loại đạn cỡ 5,56 x 44,5 mm do Lâm Sà N tháo đạn lấy thuốc đốt còn sót lại khu vực phía sau nhà R

Tại Bản kết luận giám định số 661/C09B ngày 14/01/2019 của Phân viện khoa học Kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Khẩu súng ngắn gửi giám định là súng Makarov (K59), cỡ nòng 9mm, số Z...5 1972 (... là 04 ký tự hen ri sâu không xác định được). Súng sử dụng để bắn với loại đạn cỡ 9 x 18mm. Dùng khẩu súng nêu trên bắn thực nghiệm với 02 viên đạn cỡ 9 x 18mm, kết quả đạn nổ.

2. 06 viên đạn trong hộp tiếp đạn số hiệu: 38 66; 21 73; 04 77; 38 73; 21 67 và 21 67 gửi giám định là đạn cỡ 9 x 18mm. Hiện 02 viên đạn số hiệu 21 67 có dấu vết kim hỏa tác động nhưng không nổ.

3. Các mẫu vật gửi giám định là vũ khí quân dụng.

Tại Bản kết luận giám định số 1477/C09B ngày 01/3/2019 của Phân viện khoa học Kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Mẫu vật gửi giám định là đạn, vỏ đạn và đầu đạn chưa bắn thuộc loại đạn cỡ 5,56 x 44,5 mm, dùng cho súng cỡ nòng 5,56 mm như AR15, M16. Tiến hành bắn thực nghiệm 03/06 viên đạn gửi giám định, kết quả đạn nổ. Khi bắn loại đạn nêu trên vào cơ thể người sẽ gây thương vong. Mẫu vật nêu trên là vũ khí quân dụng.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKSST-P1 ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng truy tố Lý Sà R, Huỳnh Đ, Quách Tuấn L, Sơn L4 về tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo Khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Trần Tuấn A về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo Khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Phạm Tuấn L5 về tội “Không tố giác tội phạm” theo Khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Lý Sà R, Huỳnh Đ, Quách Tuấn L, Sơn L4 phạm tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng”; Trần Tuấn A phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; Phạm Tuấn L5 phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lý Sà R, đề nghị xử phạt bị cáo R từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Đ, đề nghị xử phạt bị cáo Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Quách Tuấn L, đề nghị xử phạt bị cáo L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Sơn L4, đề nghị xử phạt bị cáo L4 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Tuấn A, đề nghị xử phạt bị cáo Tuấn A từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 390; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Tuấn L5, đề nghị xử phạt bị cáo L5 từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Giao 01 (một) Khẩu súng ngắn Makarov (K59), cỡ nòng 9mm, số Z...5 1972 (... là 04 ký tự hạn rì sâu không xác định được). Súng sử dụng để bắn với loại đạn cỡ 9x18mm, bên trong súng có gắn 01 hộp tiếp đạn; 05 (năm) viên đạn cỡ 9x18mm, số hiệu: 38 66; 21 73; 04 77; 21 67; 01 (một) vỏ đạn thuộc loại đạn cỡ 9x18mm có số hiệu 38 73 (đã bắn thực nghiệm trong quá trình giám định); 03 (ba) viên đạn ký hiệu LC74, thuộc loại đạn cỡ 5,56x44,5mm; 01 (một) đầu đạn bị biến dạng dài 1,9cm, đường kính 0,6cm, thuộc loại đạn cỡ 5,56x44,5mm; 02 (hai) vỏ đạn ký hiệu LC74, thuộc loại đạn cỡ 5,56x44,5mm cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sóc Trăng quản lý và xử lý theo thẩm quyền;

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) cây kéo cán nhựa màu đỏ; 01 (một) ổ khóa bằng kim loại màu vàng;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu vàng, hiệu itel (Quách Tuấn L giao nộp); 01 (một) điện thoại di động màu vàng, hiệu OPPO (Lý Sà R giao nộp); 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu OPPO và 01 (một) điện thoại di động màu vàng, hiệu OPPO (Sơn L4 giao nộp);

- Trả: Bị cáo Sơn L4 01 (một) chứng minh nhân dân họ tên Sơn L4 và 01 (một) Giấy phép lái xe số AY210789 tên Sơn L4; Lê Hữu D 01 (một) chứng minh nhân dân tên Lê Hữu D và 01 (một) giấy phép lái xe số T195194 tên Lê Hữu Danh.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng tội. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu Ngh1, ông Trần Quốc T2; người làm chứng ông Tăng N3, ông Lý M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong hồ sơ vụ án đã có lời khai rõ tại Cơ quan Điều tra. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngh1, ông T2, ông N3, ông M.

[3] Xét hành vi của bị cáo Lý Sà R đã cất giấu Khẩu súng K59 và liên lạc với Phạm Tuấn L5 (K) đến nhà để xem mua súng và bị cáo đã ra giá bán khẩu súng với số tiền 2.000.000 đồng như yêu cầu của Sà N nhờ. Qua kết luận giám định Khẩu súng K59 là vũ khí quân dụng. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lý Sà R phạm tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo Khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân, bị cáo không có tiền sự, nhưng có 01 tiền án đã xóa án tích. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành

khẩn khai báo; Bị cáo là người dân tộc Khmer có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét hành vi của các bị cáo Huỳnh Đ, Quách Tuấn L, Sơn L4 cất giấu Khẩu súng K59 và Đ liên lạc với L tìm người bán khẩu súng, L liên lạc với L4 tìm người bán khẩu súng, L4 cũng liên lạc qua Facebook và Zalo để tìm người bán khẩu súng. Qua kết luận giám định Khẩu súng K59 là vũ khí quân dụng. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Huỳnh Đ, Quách Tuấn L, Sơn L4 phạm tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo Khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo Đ với L, L với L4 cùng thống nhất thực hiện hành vi phạm tội, nhưng giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Vai trò của từng bị cáo như sau.

[4.1] Đối với bị cáo Huỳnh Đ sau khi nhận được súng từ Sà N và Sà N nhờ tìm người để bán súng, nếu bán được súng thì Sà N cho tiền, nên bị cáo đồng tình hưởng ứng, chính bị cáo liên lạc với L nhờ L tìm người để bán súng. Chính bị cáo là người đem khẩu súng qua nhà L để L chụp hình khẩu súng và băng đạn gửi cho L4 xem. Nên cần xử phạt bị cáo nghiêm thì mới tương xứng.

Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm, vì vào ngày 13/01/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt là 02 năm 06 tháng tù. Đến ngày 27/11/2017 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Cần áp dụng điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét tăng nặng một phần hình phạt đối với bị cáo. Xét về nhân thân, bị cáo không có tiền sự, nhưng có 01 tiền án; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo là người dân tộc Khmer có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[4.2] Đối với bị cáo Quách Tuấn L (L2) là một đồng phạm với bị cáo Đ, sau khi nghe bị cáo Đ nhờ tìm người để bán khẩu súng, thì bị cáo đồng tình hưởng ứng, chính bị cáo là người liên lạc với bị cáo L4 để nhờ L4 tìm người bán khẩu súng, sau khi nghe L4 kêu bị cáo chụp hình khẩu súng để gửi qua Facebook, Zalo cho L4 xem trước, thì chính bị cáo là người điện thoại

cho Đ đem súng qua nhà bị cáo để bị cáo chụp hình khẩu súng và băng đạn gửi cho L4 xem. Nên cần xử phạt bị cáo nghiêm thì mới tương xứng.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân, bị cáo không có tiền sự, tiền án; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo là người dân tộc Hoa sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[4.3] Đối với bị cáo Sơn L4 là một đồng phạm với bị cáo L, sau khi nghe bị cáo L nhờ tìm người để bán khẩu súng, thì bị cáo đồng tình hưởng ứng, chính bị cáo là người kêu bị cáo L chụp hình khẩu súng và băng đạn để bị cáo xem trước. Sau khi biết được là khẩu súng thật thì chính bị cáo là người liên hệ qua Facebook và Zalo để tìm người bán khẩu súng. Nên cần xử phạt bị cáo nghiêm thì mới tương xứng.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân, bị cáo không có tiền án, nhưng có 01 tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo là người dân tộc Khmer. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Xét hành vi của bị cáo Trần Tuấn A thấy bị cáo L4 có Khẩu súng K59, khi bị cáo L4 đưa khẩu súng cho bị cáo cất giấu giúp thì bị cáo đồng tình hưởng ứng, bị cáo đã cất giấu khẩu súng trong chiếc tủ lạnh đã hỏng để gần nhà trọ bị cáo đang ở. Qua kết luận giám định Khẩu súng K59 là vũ khí quân dụng. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Trần Tuấn A phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo Khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân, bị cáo không có tiền sự, tiền án; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[6] Xét hành vi của bị cáo Phạm Tuấn L5 (K) đã đến nhà bị cáo R xem súng nhưng không đồng ý mua súng, bị cáo biết rõ R đang cất giấu khẩu súng và kêu bán, nhưng bị cáo không tố giác. Qua kết luận giám định Khẩu súng K59 là vũ khí quân dụng. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Phạm Tuấn L5 phạm tội “Không tố giác tội phạm” theo Khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm, vì vào tháng 6/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đến ngày 24/5/2018 chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Cần áp dụng điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét tăng nặng một phần hình phạt đối với bị cáo. Xét về nhân thân, bị cáo không có tiền sự, nhưng có một tiền án; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Đối với Lâm Sà N đã có hành vi chiếm đoạt, tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng. Tuy nhiên, N sinh ngày 04/9/2005, khi thực hiện hành vi phạm tội thì N được 13 tuổi 02 tháng 13 ngày. Theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì N chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát không khởi tố, truy tố.

[8] Đối với Lâm Sà R1 (SL) đã có hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, nhưng sau khi phát hiện bị mất Khẩu súng K59 và số đạn cất giữ thì ông R1 đã chủ động trình báo rõ sự việc, khai nhận hành vi phạm tội, góp phần vào việc phát hiện, điều tra tội phạm, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm. Ông R1 là người có nhiều thành tích được Nhà nước tặng nhiều bằng khen, giấy khen trong quá trình công tác. Gia đình có công với cách mạng, có ông nội là Liệt sĩ, bà nội là Mẹ Việt Nam anh hùng, nên thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đình chỉ điều tra đối với ông R1, nhưng Cơ quan An Ninh Điều tra đã gửi văn bản và hồ sơ liên quan đến cơ quan có thẩm quyền xem xét xử phạt hành chính theo quy định.

[9] Đối với Phan Võ Phi Ng mặc dù biết Đ đang tàng trữ trái phép Khẩu súng K59, nhưng Ng và Đ là vợ chồng. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) Ng không phải chịu trách nhiệm hình sự. Nên cơ quan Điều tra và Viện Kiểm sát không khởi tố, truy tố.

[10] Đối với Lê Minh Th không trực tiếp thấy R tàng trữ trái phép Khẩu súng K59. Nên cơ quan Điều tra và Viện Kiểm sát không khởi tố, truy tố.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là vật cấm lưu hành cần giao cho cơ quan có thẩm quyền quản lý; vật sử dụng vào việc phạm tội cần

tịch thu nộp ngân sách nhà nước; vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; vật không phải là vật chứng cần trả cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

[13] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ. Về hình phạt, căn xử phạt các bị cáo mức khởi điểm như kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lý Sà R;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Đ;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Quách Tuấn L;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Sơn L4;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Tuấn A;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 390; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Tuấn L5.

- Căn cứ vào điểm a, c Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

Các bị cáo Lý Sà R, Huỳnh Đ, Quách Tuấn L (L2), Sơn L4 phạm tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng”;

Bị cáo Trần Tuấn A (LĐT) phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”;

Bị cáo Phạm Tuấn L5 (K) phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

1. Xử phạt bị cáo Lý Sà R 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án;

2. Xử phạt bị cáo Huỳnh Đ 02 (*hai*) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án;

3. Xử phạt bị cáo Quách Tuấn L (L2) 01 (*một*) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án;

4. Xử phạt bị cáo Sơn L4 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 22 tháng 5 năm 2019;

5. Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A (LĐT) 01 (*một*) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án;

6. Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn L5 (K) 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án;

7. Về xử lý vật chứng:

Theo bản kê vật chứng và Biên bản giao nhận vật chứng cùng ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng với Ban chỉ huy quân sự thành phố Sóc Trăng như sau:

- Giao 01 (*một*) Khẩu súng ngắn Makarov (K59), cỡ nòng 9mm, số Z...5 1972 (... là 04 ký tự hạn rì sâu không xác định được). Súng sử dụng để bắn với loại đạn cỡ 9x18mm, bên trong súng có gắn 01 hộp tiếp đạn; 05 (*năm*) viên đạn cỡ 9x18mm, số hiệu: 38 66, 21 73, 04 77, 21 67; 01 (*một*) vỏ đạn thuộc loại đạn cỡ 9x18mm có số hiệu 38 73 (đã bắn thực nghiệm trong quá trình giám định); 03 (*ba*) viên đạn ký hiệu LC74, thuộc loại đạn cỡ 5,56x44,5mm; 01 (*một*) đầu đạn bị biến dạng dài 1,9cm, đường kính 0,6cm, thuộc loại đạn cỡ 5,56x44,5mm; 02 (*hai*) vỏ đạn ký hiệu LC74, thuộc loại đạn cỡ 5,56x44,5 cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sóc Trăng quản lý;

Theo phiếu nhập kho số NK05 ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng như sau:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (*một*) cây kéo cán nhựa màu đỏ; 01 (*một*) ổ khóa bằng kim loại màu vàng;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu vàng, hiệu itel (Quách Tuấn L giao nộp); 01 (một) điện thoại di động màu vàng, hiệu OPPO (Lý Sà R giao nộp); 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu OPPO và 01 (một) điện thoại di động màu vàng, hiệu OPPO (Sơn L4 giao nộp);

- Trả: Bị cáo Sơn L4 01 (một) chứng minh nhân dân họ tên Sơn L4 và 01 (một) Giấy phép lái xe số AY210789 tên Sơn L4; Lê Hữu D 01 (một) chứng minh nhân dân tên Lê Hữu D và 01 (một) giấy phép lái xe số T195194 tên Lê Hữu Danh.

8. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TX. Vĩnh Châu;
- Công an TX. Vĩnh Châu;
- CQTHAHS – Công an TX. Vĩnh Châu;
- Chi cục THA Dân sự TX. Vĩnh Châu;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng